

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN KIẾN AN
Số: 126/TB-BVKA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
Hải Phòng, ngày 28 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

In các loại phiếu và sổ các loại cho Bệnh viện Kiến An

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Kiến An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm in các loại phiếu và sổ các loại cho Bệnh viện Kiến An với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Kiến An.

Địa chỉ: Số 35 Trần Tất Văn, phường Phù Liễn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Nhân viên phòng Hành Chính Quản Trị

- Địa chỉ email: vanthubvka@gmail.com

Số điện thoại: 0225.3668115

Địa chỉ: Số 35 Trần Tất Văn, phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

+ Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư phòng Hành Chính Quản Trị – Bệnh viện Kiến An, số 35 Trần Tất Văn, phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

+ Nhận qua gmail: vanthubvka@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 28/11/2025 đến trước 16h ngày 4/12/2025 (Báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét).

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 28/11/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

2. Danh mục hàng hoá:

STT	Tên ấn phẩm	Đơn vị	SL
1	Phiếu chăm sóc (KT A4 hai mặt)	Tờ	39000
2	Phiếu theo dõi chức năng sống (KT A4 hai mặt)	Tờ	30000
3	Phiếu truyền dịch (KT A4 hai mặt)	Tờ	32000
4	Phiếu công khai DVKCB nội trú xét nghiệm (KT A4 hai mặt)	Tờ	16000
5	Phiếu công khai DVKCB nội trú thuốc (KT A4 hai mặt)	Tờ	18000
6	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu khu 4 tầng (KT A4 một mặt)	Tờ	6.000
7	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu kỹ thuật cao (KT A4 một mặt)	Tờ	6.000
8	Phiếu tự nguyện thu dịch vụ chọn phẫu thuật viên (KT A5 một mặt)	Tờ	3.000
9	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu lồng ngực(KT A5 một mặt)	Tờ	3.000
10	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu khối chuyên khoa (KT A5 một mặt)	Tờ	3.000
11	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu khoa sản (KT A5 một mặt)	Tờ	3.000
12	Bảng kiểm chuẩn bị và bàn giao người bệnh trước phẫu thuật thủ thuật (KT A4 1 mặt)	Tờ	5000
13	Phiếu khám sức khỏe (Kt A3 2 mặt)	Tờ	6000
14	Phiếu tư vấn hướng dẫn - Giáo dục (KT A4 hai mặt)	Tờ	6000
15	Giấy cung cấp thông tin cam kết chung về nhập viện nội trú (KT A4 hai mặt)	Tờ	7000
16	Phiếu nhận định ban đầu vào viện tại khoa nội trú (KT A4 hai mặt)	Tờ	13000
17	Tờ điều trị (KT A4 hai mặt)	Tờ	13000
18	Phiếu chuyển dịch vụ cận lâm sàng (KT A4 hai mặt)	Tờ	2000
19	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (KT A4 hai mặt)	Tờ	20000
20	Phiếu khám trước mê (KT A4 một mặt)	Tờ	2000
21	Bảng kê tiêu hao phẫu thuật (KT A4 hai mặt)	Tờ	3000
22	Gáy bệnh án (KT 4 x30 in 2 mặt)	Tờ	110000
23	Phiếu khai thác tiền sử dị ứng (KT A5 một mặt)	Tờ	10000

24	Phiếu cam kết chấp nhận phẫu thuật thủ thuật gây mê, hồi sức (KT A4 hai mặt)	Tờ	7000
25	Sổ phiếu lĩnh máu (Khổ A3 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	30
26	Sổ sơ đồ sàng lọc (Khổ A3 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	10
27	Sổ thường trực (Khổ A3 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	10
28	Sổ bàn giao người bệnh vào khoa (Khổ A4 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	10
29	Sổ khám bệnh (Khổ A4 gấp đôi, bìa giấy Couche 200 in 03 màu, 02 mặt có logo bệnh viện, 12 trang/quyển)	Quyển	11.000
30	Đơn thuốc (Khổ A5 100 trang /quyển)		100

(Gửi kèm theo phụ lục danh mục hàng hoá)

2. Địa điểm cung cấp; vận chuyển hàng hoá:

- Địa điểm cung cấp: Kho Hành Chính Quản Trị - Phòng Hành Chính Quản Trị - Bệnh viện Kiến An, số 35 Trần Tất Văn, phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Vận chuyển hàng hoá: Nhà cung cấp hàng hoá chịu trách nhiệm thực hiện.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng theo từng tháng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Theo quy định hiện hành

- Thanh toán hợp đồng: Không quá 30 ngày sau khi hàng hoá, dịch vụ được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và bàn giao đầy đủ các chứng từ theo quy định của pháp luật.

5. Các thông tin khác: Cung cấp các thông tin theo Phụ lục gửi kèm./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban mua sắm;
- Công TTĐT BVKA;
- Lưu VT, HCQT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Phước

Kính gửi : Quý khách hàng

Địa điểm giao hàng: Tại thành phố hải phòng

Thời hạn báo giá: 90 ngày kể từ ngày ký

STT	Tên ấn phẩm	Đơn vị	SL	Đơn giá	Thành tiền
Chất liệu, quy cách: In trên giấy Palm định lượng 65g độ trắng 95, quyển đóng ghim giữa, bìa in giấy					
1	Phiếu chăm sóc (KT A4 hai mặt)	Tờ	39.000	360	14.040.000
2	Phiếu theo dõi chức năng sống (KT A4 hai mặt)	Tờ	30.000	360	10.800.000
3	Phiếu truyền dịch (KT A4 hai mặt)	Tờ	32.000	360	11.520.000
4	Phiếu công khai DVKCB nội trú xét nghiệm (KT A4 hai mặt)	Tờ	16.000	360	5.760.000
5	Phiếu công khai DVKCB nội trú thuốc (KT A4 hai mặt)	Tờ	18.000	360	6.480.000
6	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu khu 4 tầng (KT A4 một mặt)	Tờ	6.000	360	2.160.000
7	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu kỹ thuật cao (KT A4 một mặt)	Tờ	6.000	360	2.160.000
8	Phiếu tự nguyện thu dịch vụ chọn phẫu thuật viên (KT A5 một mặt)	Tờ	3.000	220	660.000
9	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu lồng ngực(KT A5 một mặt)	Tờ	3.000	220	660.000
10	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu khối chuyên khoa (KT A5 một mặt)	Tờ	3.000	220	660.000
11	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu khoa sản (KT A5 một mặt)	Tờ	3.000	220	660.000
12	Bảng kiểm chuẩn bị và bàn giao người bệnh trước phẫu thuật thủ thuật (KT A4 1 mặt)	Tờ	5.000	360	1.800.000
13	Phiếu khám sức khỏe (Kt A3 2 mặt)	Tờ	6.000	800	4.800.000
14	Phiếu tư vấn hướng dẫn - Giáo dục (KT A4 hai mặt)	Tờ	6.000	360	2.160.000
15	Giấy cung cấp thông tin cam kết chung về nhập viện nội trú (KT A4 hai mặt)	Tờ	7.000	360	2.520.000
16	Phiếu nhận định ban đầu vào viện tại khoa nội trú (KT A4 hai mặt)	Tờ	13.000	360	4.680.000
17	Tờ điều trị (KT A4 hai mặt)	Tờ	13.000	360	4.680.000
18	Phiếu chuyển dịch vụ cận lâm sàng (KT A4 hai mặt)	Tờ	2.000	360	720.000
19	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (KT A4 hai mặt)	Tờ	20.000	360	7.200.000
20	Phiếu khám trước mê (KT A4 một mặt)	Tờ	2.000	360	720.000
21	Bảng kê tiêu hao phẫu thuật (KT A4 hai mặt)	Tờ	3.000	360	1.080.000

22	Gáy bệnh án (KT 4 x30 in 2 mặt)	Tờ	110.000	90	9.900.000
23	Phiếu khai thác tiền sử dị ứng (KT A5 một mặt)	Tờ	10.000	250	2.500.000
24	Phiếu cam kết chấp nhận phẫu thuật thủ thuật gây mê, hồi sức (KT A4 hai mặt)	Tờ	7.000	360	2.520.000
25	Sổ phiếu lĩnh máu (Khổ A3 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	30	40.000	1.200.000
26	Sổ sơ đồ sàng lọc (Khổ A3 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	10	40.000	400.000
27	Sổ thường trực (Khổ A3 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	10	40.000	400.000
28	Sổ bàn giao người bệnh vào khoa (Khổ A4 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	10	28.000	280.000
29	Sổ khám bệnh (Khổ A4 gấp đôi, bìa giấy Couche 200 in 03 màu, 02 mặt có logo bệnh viện, 12 trang/quyển)	Quyển	11.000	3.300	36.300.000
30	Đơn thuốc (Khổ A5 100 trang /quyển)	Quyển	100	22.000	2.200.000
	Cộng				141.620.000
	Thuế VAT 8 %				11.329.600
	Tổng cộng:				152.949.600

Ngày tháng năm 2025

Doanh nghiệp báo giá


 Vũ Thị Thu Ngân.

Kính gửi : Quý khách hàng

Địa điểm giao hàng: Tại thành phố hải phòng

Thời hạn báo giá: 90 ngày kể từ ngày ký

STT	Tên ấn phẩm	Đơn vị	SL	Đơn giá	Thành tiền
Chất liệu, quy cách: In trên giấy Palm định lượng 65g độ trắng 95, quyển đóng ghim giữa, bìa in giấy duplex DL 200g, xuất xứ Việt nam					
1	Phiếu chăm sóc (KT A4 hai mặt)	Tờ	39.000	360	14.040.000
2	Phiếu theo dõi chức năng sống (KT A4 hai mặt)	Tờ	30.000	360	10.800.000
3	Phiếu truyền dịch (KT A4 hai mặt)	Tờ	32.000	360	11.520.000
4	Phiếu công khai DVKCB nội trú xét nghiệm (KT A4 hai mặt)	Tờ	16.000	360	5.760.000
5	Phiếu công khai DVKCB nội trú thuốc (KT A4 hai mặt)	Tờ	18.000	360	6.480.000
6	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu khu 4 tầng (KT A4 một mặt)	Tờ	6.000	350	2.100.000
7	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu kỹ thuật cao (KT A4 một mặt)	Tờ	6.000	350	2.100.000
8	Phiếu tự nguyện thu dịch vụ chọn phẫu thuật viên (KT A5 một mặt)	Tờ	3.000	220	660.000
9	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu lồng ngực(KT A5 một mặt)	Tờ	3.000	220	660.000
10	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu khối chuyên khoa (KT A5 một mặt)	Tờ	3.000	220	660.000
11	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu khoa sản (KT A5 một mặt)	Tờ	3.000	220	660.000
12	Bảng kiểm chuẩn bị và bàn giao người bệnh trước phẫu thuật thủ thuật (KT A4 1 mặt)	Tờ	5.000	350	1.750.000
13	Phiếu khám sức khỏe (Kt A3 2 mặt)	Tờ	6.000	800	4.800.000
14	Phiếu tư vấn hướng dẫn - Giáo dục (KT A4 hai mặt)	Tờ	6.000	360	2.160.000
15	Giấy cung cấp thông tin cam kết chung về nhập viện nội trú (KT A4 hai mặt)	Tờ	7.000	360	2.520.000
16	Phiếu nhận định ban đầu vào viện tại khoa nội trú (KT A4 hai mặt)	Tờ	13.000	360	4.680.000
17	Tờ điều trị (KT A4 hai mặt)	Tờ	13.000	360	4.680.000
18	Phiếu chuyển dịch vụ cận lâm sàng (KT A4 hai mặt)	Tờ	2.000	360	720.000
19	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (KT A4 hai mặt)	Tờ	20.000	360	7.200.000

20	Phiếu khám trước mê (KT A4 một mặt)	Tờ	2.000	350	700.000
21	Bảng kê tiêu hao phẫu thuật (KT A4 hai mặt)	Tờ	3.000	360	1.080.000
22	Gáy bệnh án (KT 4 x30 in 2 mặt)	Tờ	110.000	90	9.900.000
23	Phiếu khai thác tiền sử dị ứng (KT A5 một mặt)	Tờ	10.000	220	2.200.000
24	Phiếu cam kết chấp nhận phẫu thuật thủ thuật gây mê, hồi sức (KT A4 hai mặt)	Tờ	7.000	360	2.520.000
25	Sổ phiếu lĩnh máu (Khổ A3 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	30	40.000	1.200.000
26	Sổ sơ đồ sàng lọc (Khổ A3 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	10	40.000	400.000
27	Sổ thường trực (Khổ A3 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	10	40.000	400.000
28	Sổ bàn giao người bệnh vào khoa (Khổ A4 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	10	28.000	280.000
29	Sổ khám bệnh (Khổ A4 gấp đôi, bìa giấy Couche 200 in 03 màu, 02 mặt có logo bệnh viện, 12 trang/quyển)	Quyển	11.000	3.200	35.200.000
30	Đơn thuốc (Khổ A5 100 trang /quyển)	Quyển	100	22.000	2.200.000
	Cộng				140.030.000
	Thuế VAT 8 %				11.202.400
	Tổng cộng:				151.232.400

Ngày tháng năm 2025

Doanh nghiệp báo giá



GIÁM ĐỐC

Ngô Xuân Bổng

Kính gửi : Quý khách hàng

Địa điểm giao hàng: Tại thành phố hải phòng

Thời hạn bảo giá: 90 ngày kể từ ngày ký

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	SL	Đơn giá	Thành tiền
Chất liệu, quy cách: In trên giấy Palm định lượng 65g độ trắng 95, quyển đóng ghim giữa, bìa in giấy					
1	Phiếu chăm sóc (KT A4 hai mặt)	Tờ	39.000	360	14.040.000
2	Phiếu theo dõi chức năng sống (KT A4 hai mặt)	Tờ	30.000	360	10.800.000
3	Phiếu truyền dịch (KT A4 hai mặt)	Tờ	32.000	360	11.520.000
4	Phiếu công khai DVKCB nội trú xét nghiệm (KT A4 hai mặt)	Tờ	16.000	360	5.760.000
5	Phiếu công khai DVKCB nội trú thuốc (KT A4 hai mặt)	Tờ	18.000	360	6.480.000
6	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu khu 4 tầng (KT A4 một mặt)	Tờ	6.000	360	2.160.000
7	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu kỹ thuật cao (KT A4 một mặt)	Tờ	6.000	360	2.160.000
8	Phiếu tự nguyện thu dịch vụ chọn phẫu thuật viên (KT A5 một mặt)	Tờ	3.000	220	660.000
9	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu lồng ngực(KT A5 một mặt)	Tờ	3.000	220	660.000
10	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu khối chuyên khoa (KT A5 một mặt)	Tờ	3.000	220	660.000
11	Phiếu tự nguyện sử dụng dịch vụ theo yêu cầu khoa sản (KT A5 một mặt)	Tờ	3.000	220	660.000
12	Bảng kiểm chuẩn bị và bàn giao người bệnh trước phẫu thuật thủ thuật (KT A4 1 mặt)	Tờ	5.000	360	1.800.000
13	Phiếu khám sức khỏe (Kt A3 2 mặt)	Tờ	6.000	800	4.800.000
14	Phiếu tư vấn hướng dẫn - Giáo dục (KT A4 hai mặt)	Tờ	6.000	360	2.160.000
15	Giấy cung cấp thông tin cam kết chung về nhập viện nội trú (KT A4 hai mặt)	Tờ	7.000	360	2.520.000
16	Phiếu nhận định ban đầu vào viện tại khoa nội trú (KT A4 hai mặt)	Tờ	13.000	360	4.680.000
17	Tờ điều trị (KT A4 hai mặt)	Tờ	13.000	360	4.680.000
18	Phiếu chuyển dịch vụ cận lâm sàng (KT A4 hai mặt)	Tờ	2.000	360	720.000
19	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (KT A4 hai mặt)	Tờ	20.000	360	7.200.000
20	Phiếu khám trước mê (KT A4 một mặt)	Tờ	2.000	360	720.000
21	Bảng kê tiêu hao phẫu thuật (KT A4 hai mặt)	Tờ	3.000	360	1.080.000
22	Gáy bệnh án (KT 4 x30 in 2 mặt)	Tờ	110.000	100	11.000.000
23	Phiếu khai thác tiền sử dị ứng (KT A5 một mặt)	Tờ	10.000	250	2.500.000

24	Phiếu cam kết chấp nhận phẫu thuật thủ thuật gây mê, hồi sức (KT A4 hai mặt)	Tờ	7.000	360	2.520.000
25	Sổ phiếu lĩnh máu (Khổ A3 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	30	40.000	1.200.000
26	Sổ sơ đồ sàng lọc (Khổ A3 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	10	40.000	400.000
27	Sổ thường trực (Khổ A3 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	10	40.000	400.000
28	Sổ bàn giao người bệnh vào khoa (Khổ A4 gấp đôi 200 trang/quyển)	Quyển	10	28.000	280.000
29	Sổ khám bệnh (Khổ A4 gấp đôi, bìa giấy Couche 200 in 03 màu, 02 mặt có logo bệnh viện, 12 trang/quyển)	Quyển	11.000	3.300	36.300.000
30	Đơn thuốc (Khổ A5 100 trang /quyển)	Quyển	100	22.000	2.200.000
	Cộng				142.720.000
	Thuế VAT 8 %				11.417.600
	Tổng cộng:				154.137.600

Ngày tháng năm 2025

Doanh nghiệp báo giá

Trần Thu Hà